TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26-9-2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Rực

Ông Hà Phương Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Long Phú tham gia phiên tòa: Bà Dương Hồng Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2023/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Thái Dũng L, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp V, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thanh P, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày đề ngày 04/8/2023 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Thái Dũng L trình bày:

Năm 1999, ông L và bà P tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Sau khi kết hôn ông, bà chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Trong thời gian chung sống ông, bà có 01 (một) người con chung là cháu Thái Thị Tú U, sinh ngày 02/01/2000. Quá trình chung sống không có tài sản chung; không có nợ chung.

Nay ông Thái Dũng L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Phú giải quyết: Về hôn nhân: Ông Thái Dũng L yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thanh P. Về con chung: Hiện cháu Thái Thị Tú U đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thanh P: Kể từ khi thụ lý đến nay, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà P, nhưng bà không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tham dự theo các giấy triệu tập của Tòa. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thanh P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó HĐXX căn cứ vào khoản 2, Điều 227, khoản 3 Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1999, ông L và bà P sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Xét thấy việc chung sống của ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận là vợ chồng. Tòa án đã triệu tập bà P đến tham dự phiên hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn, nhưng bà P vẫn vắng mặt. Tại biên bản xác minh ngày 18/8/2023, đại diện ban nhân dân Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng cho biết về tình trạng mâu thuẫn hôn nhân giữa ông L và bà P thì địa phương không nắm rõ, do khi xảy ra mâu thuẫn các bên không trình báo. Tại phiên tòa ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Nhận thấy hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục duy trì đời sống vợ chồng với nhau. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận cho ông L được ly hôn với bà P.

[3] Về con chung: Ông Thái Dũng L xác định trong thời chung sống ông và bà Nguyễn Thanh P có 01 (một) người con chung là Thái Thị Tú U, sinh

ngày 02/01/2000. Hiện cháu U đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Thái Dũng L xác định trong thời gian chung sống ông và bà Nguyễn Thanh P không có tạo lập được tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Thái Dũng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Bà Nguyễn Thanh P không phải chịu án phí.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 235; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Thái Dũng L được ly hôn với bà Nguyễn Thanh P.

2/ Về con chung: Hiện cháu Thái Thị Tú U đã thành niên. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Ông Thái Dũng L xác định trong thời gian chung ông và bà Nguyễn Thanh P không tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Thái Dũng L có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010050 ngày 04/8/2023. Ông Thái Dũng L đã nộp xong. Bà Nguyễn Thanh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện L
- UBND xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tăng Triều Vũ Hà